

Số: 73/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HẢI PHÒNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **80/2026/TLST-HNGĐ** ngày **18 tháng 3 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con**, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1999; nơi thường trú: Số C T, tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: K8, Chung cư H, phường A, thành phố Hải Phòng; **căn cước công dân: 038199026973**;

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số C T, tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; **căn cước công dân: 031094005530**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn C có xây dựng gia đình và đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng** trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn tình cảm do có nhiều khác biệt về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay, anh chị đang sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh chị đều xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[2] Về con chung: **Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 16/7/2020; ly hôn hai bên thống nhất giao con chung cho anh C trực**

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên thống nhất tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh C tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: **Chị T** nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành **ngày 03 tháng 4 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị Đỗ Thị T** và anh **Nguyễn Văn C** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: **Chị T** và anh **C** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Minh P**, sinh ngày 16/7/2020; ly hôn cháu **P** cho anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: **Chị T** và anh **C** tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: **Chị T** và anh **C** không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: **Chị T** nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số **0002957** ngày 18 **tháng 3 năm 2026** của Thi hành án dân sự thành phố H; **Chị T** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 - Hải Phòng;
- UBND phường Hải An, **thành phố Hải Phòng**.  
(Đăng ký kết hôn ngày **25/01/2019**);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**THẨM PHÁN****Đỗ Thị Như Quỳnh**